

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 935/2018/HC-PT

Ngày: 17-10-2018

V/v Khiếu kiện quyết định hành
chính và hành vi hành chính về quản
lý Nhà nước trong lĩnh vực đất đai
thuộc trường hợp bồi thường, hỗ trợ,
giải phóng mặt bằng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thụy Vi

Các Thẩm phán:

Bà Đỗ Thanh Hương

Ông Nguyễn Hồ Thanh Bạch

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Phùng
Thị Lan – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 75/2017/TLPT-HC ngày 07 tháng 11 năm 2017 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính về quản lý Nhà nước trong lĩnh vực đất đai thuộc trường hợp bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2017/HC-ST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4218/2018/QĐ-PT ngày 17 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Võ Văn C, sinh năm 1938 (đã chết năm 2015).

Địa chỉ: Xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện:

1/ Bà Võ Thị Ngọc H, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà Võ Thị H, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Bà Võ Thị Ngọc A, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Bà Võ Thị S, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

5/ Ông Võ Minh H, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

6/ Bà Võ Thị Thanh Kim H, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện: Ông Nguyễn Đình P, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số công chứng 006414 ngày 16/5/2016).

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Ông Lê Văn H – Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N.

- Ông Huỳnh Văn H – Phó Trưởng Phòng Tư pháp huyện N.

- Bà Hồng Kim O – Chuyên viên Ban Bồi thường và giải phóng mặt bằng huyện N.

- Ông Đỗ Văn L – Phó Trưởng Ban Bồi thường và giải phóng mặt bằng huyện N.

4. *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Đình P – Người đại diện theo ủy quyền của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Phía người khởi kiện có ông Nguyễn Đình P là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Năm 1960, ông Võ Văn C khai hoang một phần đất tại xã P và định cư tại đây. Ngày 08/8/1995, ông C được Ủy ban nhân dân huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 17, diện tích 18.993m², trong đó có 397m² đất ở (T) thuộc thửa 212. Sau đó, ông C đã chuyển nhượng 10.715m² đất nông nghiệp, phần đất còn lại là 8.278m² (bao gồm: 397m² là đất ở và 7.881m² là đất nông nghiệp).

Năm 2001, Ủy ban nhân dân huyện N thu hồi của ông C toàn bộ diện tích 8.278m² gồm các thửa 209, 210, 211, 212, tờ bản đồ số 1 thuộc xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không đền bù cho ông C 01 nền tái định cư 300m² và không đền bù giá trị thiệt hại đối với phần diện tích bị thu hồi vượt quá hạn mức tại thửa số 212, diện tích 397m².

Khi kiểm kê để giải tỏa, nhà và các chuồng trại nêu trên đã được đo đạc và ghi nhận là đang tồn tại gồm: diện tích nhà là 44,72 m² và chuồng trại là 72,76 m². Tình tiết này đã được ghi nhận tại Biên bản kiểm kê thiệt hại tài sản, Sơ đồ đo đạc ruộng đất, nhà xưởng cùng ngày 25/7/2001.

Tuy nhiên, sau khi giải tỏa trắng đất và nhà của ông C, Ủy ban nhân dân huyện N không đền bù bằng đất ở khác theo quy định của Luật Đất đai 1993; Nghị định 22/1998 và của Phương án đền bù số 18/PAĐB theo phương thức “đất đổi đất có cùng mục đích sử dụng” tại khu tái định cư, mà chỉ đền bù bằng tiền và áp giá đất nông nghiệp để đền bù.

Ông C không đồng ý với việc đền bù nên đã khiếu nại, Ủy ban nhân dân huyện N đã ban hành các quyết định bao gồm: Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 06/7/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Võ Văn C có nội dung: Không công nhận nội dung khiếu nại của ông Võ Văn C; Quyết định số 1228/QĐ-UBND ngày 09/12/2009 về việc thu hồi Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 06/7/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N; Thông báo số 313/TB-UBND ngày 09/12/2009 về việc trả lời đơn khiếu nại của ông Võ Văn C có nội dung: Không xem xét yêu cầu khiếu nại của ông C.

Đúng ra ông C phải được đền bù 01 nền tái định cư 300m² theo phương thức đền bù bằng đất có cùng mục đích sử dụng vì Ủy ban đã thu hồi của ông C đất ở đồng thời ông C còn được đền bù thêm bằng tiền do áp giá đền bù sai đối với đất ở ngoài hạn mức $397 \text{ m}^2 - 300 \text{ m}^2 = 97 \text{ m}^2$ tại thửa số 212. Do đó, người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 06/7/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Võ Văn C.

- Hủy Quyết định số 1228/QĐ-UBND ngày 09/12/2009 về việc thu hồi Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 06/7/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N.

- Hủy Thông báo số 313/TB-UBND ngày 09/12/2009 về việc trả lời đơn khiếu nại của ông Võ Văn C.

- Tuyên bố và buộc Ủy ban nhân dân huyện N có hành vi đúng trong công tác xác định đền bù đối với thửa đất số 212, diện tích 397m².

- Tuyên bố việc Ủy ban nhân dân huyện N không giao 300m² đất ở là trái với quy định của pháp luật và trái với phương án đền bù.

- Tuyên bố buộc Ủy ban nhân dân huyện N có hành vi đúng pháp luật khi đền bù diện tích đất ở ngoài hạn mức.

- Khôi phục lại quyền được nhận quyết định hành chính của ông C.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện N trình bày:

Đối với Quyết định số 17/QĐ-UBND thì Ủy ban nhân dân huyện N đã thu hồi bằng Quyết định số 1228/QĐ-UBND ngày 09/12/2009.

Quyết định số 1228/QĐ-UBND ngày 09/12/2009, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành là đúng pháp luật vì ông C đã nhận tiền đền bù vào ngày 28/11/2001 nhưng đến ngày 25/11/2008 ông C mới khiếu nại là hết thời hiệu khiếu nại theo Luật khiếu nại, tố cáo.

Thông báo số 313/TB-UBND ngày 09/12/2009, Ủy ban nhân dân huyện N trả lời yêu cầu cấp tái định cư của ông C, theo Phương án số 18/PAĐB ngày 06/6/2001 đã được phê duyệt thì yêu cầu của ông C không đáp ứng đủ điều kiện để được cấp tái định cư là đúng theo quy định của pháp luật bởi vì trong toàn bộ diện tích đất Ủy ban nhân dân huyện N đã thu hồi của ông C không có nhà mà chỉ có căn chòi chăn nuôi. Ông C đồng ý theo biên bản kiểm kê và ông C đã nhận tiền đền bù trong đó có diện tích 397m² và không có khiếu nại gì. Trên phần đất 397m² ông C có cất căn chòi, ông C thực tế ở một căn nhà tại số 44 ấp 1, xã P, huyện N, căn nhà này nằm ngoài ranh dự án phần đất của ông C bị thu hồi. Do không công nhận 397m² là đất ở nên không bồi thường theo giá đất ở và không cấp tái định cư, không công nhận đất ở ngoài hạn mức đối với diện tích 97m². Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có xem xét và cho ông C đăng ký mua nền tái định cư, ông C cũng đã đăng ký mua nền.

Nay ông C khởi kiện với những yêu cầu như trên, Ủy ban nhân dân huyện N không đồng ý. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2017/HC-ST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện N quyết định:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn C có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Võ Văn C (Do ông C đã mất năm 2015) về việc: Yêu cầu hủy Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 06/7/2009, Quyết định số 1228/QĐ-UBND ngày 09/12/2009, Thông báo số 313/TB-UBND ngày 09/12/2009 do Ủy ban nhân dân huyện N ban hành và yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện N có hành vi đúng trong công tác xác định giá trị thiệt hại, giá trị đền bù đối với thửa đất số 212, diện tích 397m²; Phải giao 300m² đất ở là trái với quy định của pháp luật và trái với phương án đền bù; Tuyên bố buộc Ủy ban nhân dân huyện N có hành vi đúng pháp luật khi đền bù diện tích đất ở ngoài hạn mức và Khôi phục lại quyền được nhận quyết định hành chính.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09 tháng 10 năm 2017, ông Nguyễn Đình P là người đại diện theo ủy quyền của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết như sau:

- Hủy Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 06/7/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Võ Văn C.

- Hủy Quyết định số 1228/QĐ-UBND ngày 09/12/2009 về việc thu hồi Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 06/7/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N.

- Hủy Thông báo số 313/TB-UBND ngày 09/12/2009 về việc trả lời đơn khiếu nại của ông Võ Văn C.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện N có hành vi đúng trong công tác xác định đền bù đối với thửa đất số 212, diện tích 397m².

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện N đền bù 300m² đất ở tại khu tái định cư theo nguyên tắc “đền bù bằng đất có cùng mục đích sử dụng và giá trị tương đương”.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện N đền bù thêm bằng tiền do áp giá đền bù sai đối với đất ở ngoài hạn mức $397\text{m}^2 - 300\text{m}^2 = 97\text{m}^2$ tạm tính số tiền là 100.295.000 đồng.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện N khôi phục lại quyền được nhận quyết định hành chính khi thực hiện việc đền bù của ông C.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Đình P là người đại diện theo ủy quyền của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện trình bày: Phía người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham dự phiên tòa là có thiếu sót vì Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mới là chủ thể bị kiện (Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là cơ quan thu hồi và phê duyệt bồi thường). Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N tham gia tố tụng là thiếu sót vì Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 06/7/2009 và Quyết định số 1228/QĐ-UBND ngày 09/12/2009 là do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N ký. Phần diện tích 379m² thuộc thửa 212 ông C đã sử dụng từ năm 1976 đã làm đầy đủ các thủ tục kê khai theo Tài liệu 299, Chỉ thị 02 và đã được cấp Giấy chứng nhận ghi là chữ T nên không thể không công nhận đất ở. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Thống nhất với ý kiến và yêu cầu như người bị kiện đã trình bày. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ Về hình thức: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng hành chính từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Tố tụng Hành chính; các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Theo đơn khởi kiện, ông Võ Văn C yêu cầu hủy các Quyết định giải quyết khiếu nại số 17/QĐ-UBND ngày 06/7/2009, Quyết định số 1228/QĐ-UBND ngày 09/12/2009 và Thông báo số 313/TB-UBND ngày 09/12/2009 về việc trả lời đơn khiếu nại của ông C. Đây là những quyết định thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N theo quy định tại Điều 20 Luật khiếu nại, tố cáo năm 1998 được sửa đổi, bổ sung năm 2004, 2005. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã không đưa Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N vào tham gia tố tụng với tư cách là người bị kiện là vi phạm thủ tục tố tụng quy định tại Điều 57 Luật tố tụng hành chính năm 2015. Đây cũng là một trong những lý do kháng cáo mà ông Nguyễn Đình P trình bày tại phiên tòa phúc thẩm. Do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 3 Điều 241 Luật tố tụng hành chính hủy Bản án số 10/2017/HC-ST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện N để xét xử lại theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các bên trình bày ý kiến, tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Đình P là người đại diện theo ủy quyền của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện làm trong thời hạn luật định nên chấp nhận.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Người bị kiện, ông Đỗ Văn L là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 158, Khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện và ông Đỗ Văn L.

Về nội dung: Người đại diện theo ủy quyền của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu

Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

Qua xem xét các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ và ý kiến trình bày của người kháng cáo tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận thấy: Người khởi kiện yêu cầu Tòa án xử hủy: Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 06/7/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Võ Văn C, Quyết định số 1228/QĐ-UBND ngày 09/12/2009 về việc thu hồi Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 06/7/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, Thông báo số 313/TB-UBND ngày 09/12/2009 về việc trả lời đơn khiếu nại của ông Võ Văn C. Điều 20 Luật khiếu nại, tố cáo năm 1998 được sửa đổi, bổ sung năm 2004, năm 2005, quy định về thẩm quyền giải quyết khiếu nại: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là cấp huyện) có thẩm quyền giải quyết khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình. Theo quy định trên thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 06/7/2009 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Võ Văn C, ban hành Quyết định số 1228/QĐ-UBND ngày 09/12/2009 về việc thu hồi Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 06/7/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N và ban hành Thông báo số 313/TB-UBND ngày 09/12/2009 về việc trả lời đơn khiếu nại của ông Võ Văn C là đúng thẩm quyền. Trong vụ án này người khởi kiện yêu cầu Tòa án xử hủy Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 06/7/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Võ Văn C, Quyết định số 1228/QĐ-UBND ngày 09/12/2009 về việc thu hồi Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 06/7/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, Thông báo số 313/TB-UBND ngày 09/12/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N về việc trả lời đơn khiếu nại của ông Võ Văn C. Như vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N phải là người bị kiện trong vụ án này. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã không đưa Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N vào tham gia tố tụng với tư cách là người bị kiện là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 06/7/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Võ Văn C. Quyết định trên đã được thu hồi bởi Quyết định số 1228/QĐ-UBND ngày 09/12/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N. Ngày 15/5/2012 ông Võ Văn C có đơn khởi kiện Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 06/7/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N. Như vậy, ông C khởi kiện sau khi Quyết định số 17/QĐ-UBND đã bị thu hồi, đối tượng khởi kiện không còn nhưng Tòa án nhân

dân huyện N vẫn thụ lý giải quyết yêu cầu hủy Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 06/7/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N là vi phạm tố tụng.

Đối với các yêu cầu kiện hành vi hành chính, người khởi kiện yêu cầu “Tuyên bố và buộc Ủy ban nhân dân huyện N có hành vi đúng trong công tác xác định đền bù đối với thửa đất số 212, diện tích 397m². Tuyên bố, buộc Ủy ban nhân dân huyện N có hành vi đúng pháp luật khi đền bù diện tích đất ở ngoài hạn mức”. Các yêu cầu trên là không rõ ràng, không đầy đủ và không chính xác, vì tuyên bố là tuyên bố hành vi trái pháp luật, còn buộc là buộc thực hiện hành vi đúng pháp luật nên không thể tuyên bố và buộc cùng một hành vi. Về yêu cầu “Khôi phục lại quyền được nhận quyết định hành chính của ông C”, thì ai là người khôi phục và khôi phục quyết định hành chính cụ thể nào. Khi đương sự khởi kiện có yêu cầu như trên thì Tòa án cấp sơ thẩm cần giải thích để đương sự sửa đổi yêu cầu khởi kiện nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm. Ngoài ra, tại phần quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên sai nội dung yêu cầu. Cụ thể tuyên: “Phải giao 300m² đất ở là trái với quy định của pháp luật và trái với phương án đền bù”, đúng phải là “không giao”.

Do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể bổ sung được nên Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo thẩm quyền quy định tại Điều 32 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí:

Án phí hành chính sơ thẩm: Được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm

Án phí hành chính phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm, nên người kháng cáo không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 241, Điều 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Khoản 3 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Xử :

1. Hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2017/HC-ST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện N

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo thẩm quyền quy định tại Điều 32 Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

2. Về án phí:

Án phí hành chính sơ thẩm: Được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Án phí hành chính phúc thẩm: Người kháng cáo không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Đình P 300.000 đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm theo Biên lai số AD/2014/0008197 ngày 10/10/2017. Hoàn trả cho bà Võ Thị Ngọc H, bà Võ Thị Thanh Kim H, bà Võ Thị H, bà Võ Thị Ngọc A và bà Võ Thị S mỗi người 300.000 đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm theo các Biên lai số AD/2014/0008232, AD/2014/0008231, AD/2014/0008230, AD/2014/0008229, AD/2014/0008228 cùng ngày 18/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thụy Vi